TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2019/DS-ST
Ngày: 21-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;

2. Ông Nguyễn Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 267/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B;

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà HM Town, số 412 đường N, Phường F, Quận T, Thành phố HCM.

Người đại diện hợp pháp: Bà T là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 188/2019/UQ–QLN ngày 28-5-2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần B; địa chỉ: 20G2 Đường NT, phường S, thành phố V, tỉnh BR - VT; (có mặt).

2. Bị đơn: Ông S, sinh năm 1983; địa chỉ: 155/18/12 Đường Đ, phường T, thành phố V, tỉnh BR - VT; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà T trình bày:

Ngày 23-8-2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần B - chi nhánh Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký kết với ông S hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận

nợ số: 0256/01118/TDTL-CN (sau đây gọi tắt là hợp đồng số 0256) với nội dung: Ngân hàng cho ông S vay số tiền 180.000.000đồng, thời hạn vay 60 tháng, kể từ 23-8-2018 đến 23-8-2023, mục đích vay tiêu dùng; lãi suất cố định: 16%/năm trong 12 tháng đầu; lãi suất điều chỉnh: Kể từ tháng thứ 13 trở đi, lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần cộng (+) biên độ 9,5%; lịch trả nợ gốc và lãi: Theo định kỳ ngày 10 hàng tháng, trả làm 60 kỳ, mỗi kỳ trả 3.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi. Cùng ngày ký hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân và ông S nhận đủ số tiền vay 180.000.000đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 2.000.000đồng, bao gồm 215đồng tiền gốc và 1.999.785đồng tiền lãi. Từ ngày 10-9-2018 đến nay, ông S vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo yêu cầu ông S thực hiên nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông S không thực hiện.

Căn cứ hợp đồng số 0256, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông S thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 21-11-2019 là 218.320.991đồng, trong đó nợ gốc là 179.999.785đồng, nợ lãi trong hạn là 30.539.001đồng, nợ lãi quá hạn là 6.071.612đồng; lãi phạt chậm trả lãi là 1.710.593đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng 0256 đã ký nêu trên kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và tiến hành các thủ tục tống đạt đối với bị đơn theo đúng quy định nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu ông S trả tiền nợ gốc và lãi. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông S có nơi cư

trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn ông S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông S.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Xét về chủ thể có trách nhiệm trả nợ: Theo yêu cầu khởi kiện và trình bày của Ngân hàng xác định: Ngân hàng cho cá nhân ông S vay để dùng vào mục đích tiêu dùng phục vụ đời sống và chỉ yêu cầu ông S trả nợ tiền vay nên ông S là người có trách nhiệm trả nợ.

[2.2]. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông S trả số tiền gốc, lãi thì thấy:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông S thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 21-11-2019 là 218.320.991đồng, trong đó nợ gốc là 179.999.785đồng, nợ lãi trong hạn là 30.539.001đồng, nợ lãi quá hạn là 6.071.612đồng; lãi phạt chậm trả lãi là 1.710.593đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng 0256 đã ký nêu trên kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Xét đơn khởi kiện và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bảng hoạt động tài khoản số 0117041025509 của Ông S, phiếu tính lãi chi tiết đến hết ngày 21-11-2019 thì ông S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng là 2.000.000đồng, bao gồm 215đồng tiền gốc và 1.999.785đồng tiền lãi. Từ ngày 10-9-2018 đến nay, ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Mặc dù, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có căn cứ xác định Ngân hàng với ông S có ký hợp tín dụng số 0256 và ông S còn nợ Ngân hàng tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 21-11-2019 như ý kiến, yêu cầu của Ngân hàng.

Hợp đồng số 0256 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái quy định của pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ đã ký kết.

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 0256 kèm Điều khoản cho vay; thông báo số 222/2018/TB–PTSP ngày 19-6-2018 về việc ban hành lãi suất cho vay và phí trả nợ trước hạn đối với các khoản vay tiêu dùng không tài sản bảo đảm bảo dành cho khách hàng cá nhân; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm b Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông S phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông S có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nên phải chịu án phí sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng 4.850.000đồng (bốn triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

2. Buộc ông S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 218.320.991đồng (hai trăm mười tám triệu ba trăm hai mươi ngàn chín trăm chín mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 179.999.785đồng (một trăm bảy mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn bảy trăm tám mươi lăm đồng), nợ lãi trong hạn là 30.539.001đồng (ba mươi triệu năm trăm ba mươi chín ngàn không trăm lẻ một đồng), nợ lãi quá hạn là 6.071.612đồng (sáu triệu không trăm bảy mươi mốt ngàn sáu trăm mười hai đồng); lãi phạt chậm trả lãi là 1.710.593đồng (một triệu bảy trăm mười ngàn năm trăm chín mươi ba đồng) tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (21-11-2019).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 0256/01118/TDTL-CN đính kèm Điều khoản cho vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông S phải chịu 10.916.050đồng (mười triệu chín trăm mười sáu ngàn không trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 4.850.000đồng (bốn triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0001101 ngày 01-8-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trà My